CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 2

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
Số lượng CPLH (CP)	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	-
EPS	-816
P/E	-12.2

DT thuần
Q2/25
0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.28|
YoY: ▲ 0.04| 17.8%

LN thuần
Q2/25
-0.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.32| -89.2%
YoY: ▼0.50| -278%

LN sau thuế
Q2/25
-0.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.32| -89.2%
YoY: ▼0.50| -278%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-241%

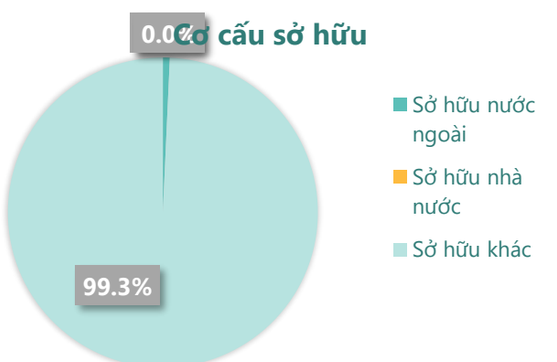
ROE (TTM)
Q2/25
-84.8%
YoY: +/-▼ 35.6%

DT thuần
6T 2025
0.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.13| -31.1%

LN thuần
6T 2025
-1.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.35| -48.9%

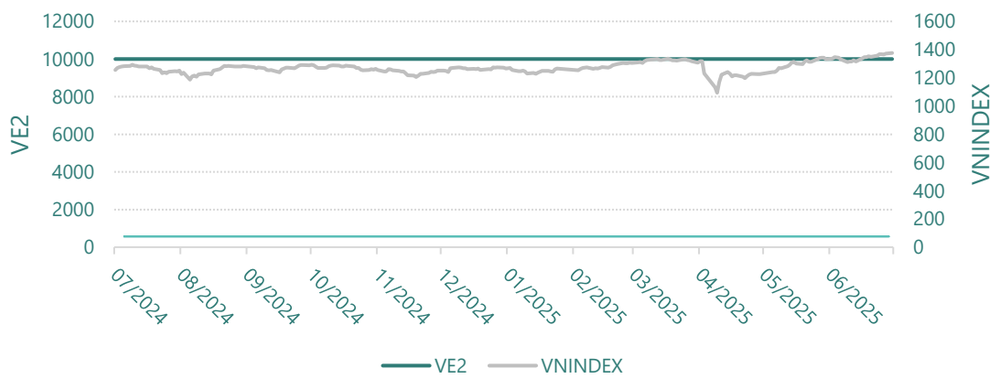
LN sau thuế
6T 2025
-1.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.35| -48.4%

Cơ cấu sở hữu

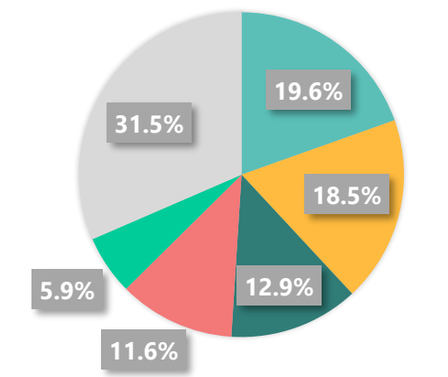


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

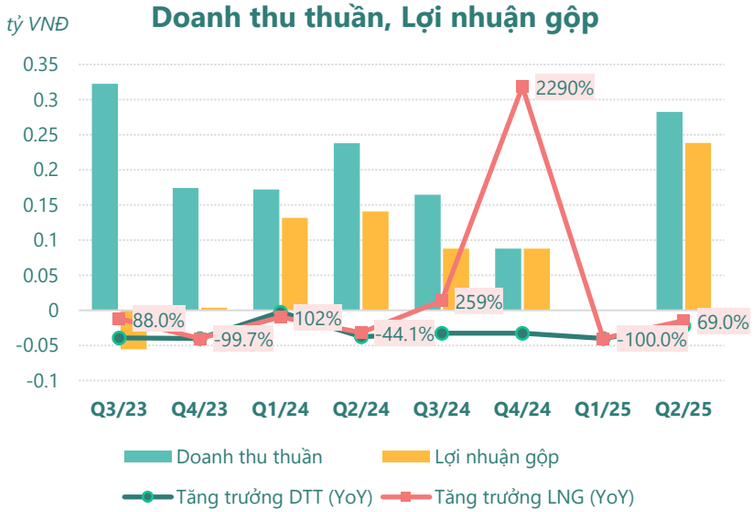


- Phan Thúy Phương (Thành viên HĐQT)
- Chung Việt Hà (Trưởng ban kiểm soát)
- Khuất Văn Đăng
- Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đậu Thảo
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

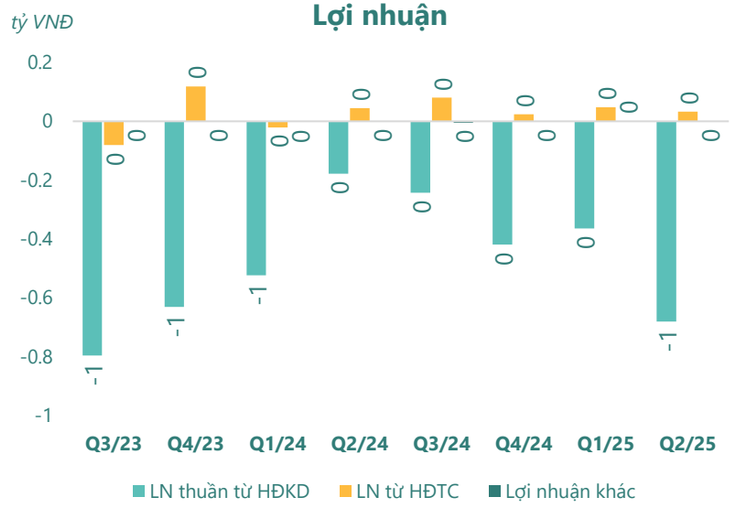
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



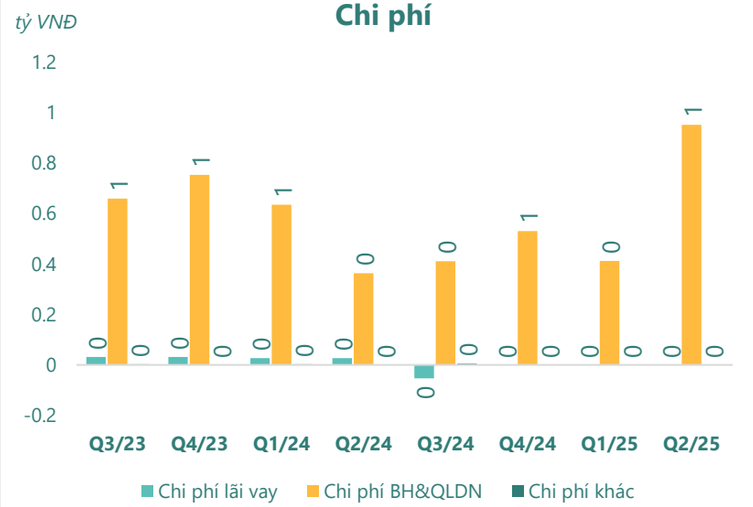
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



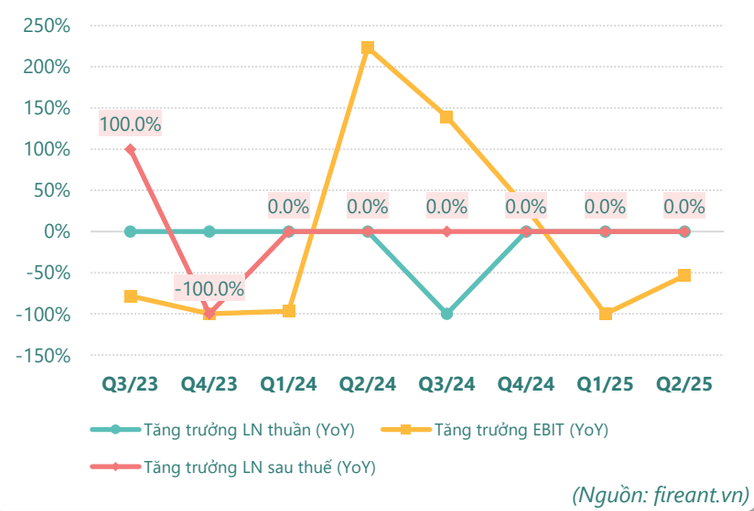
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



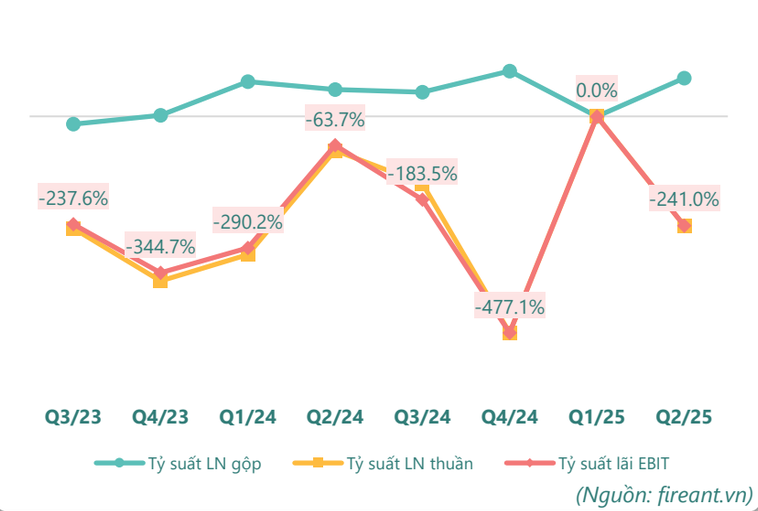
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



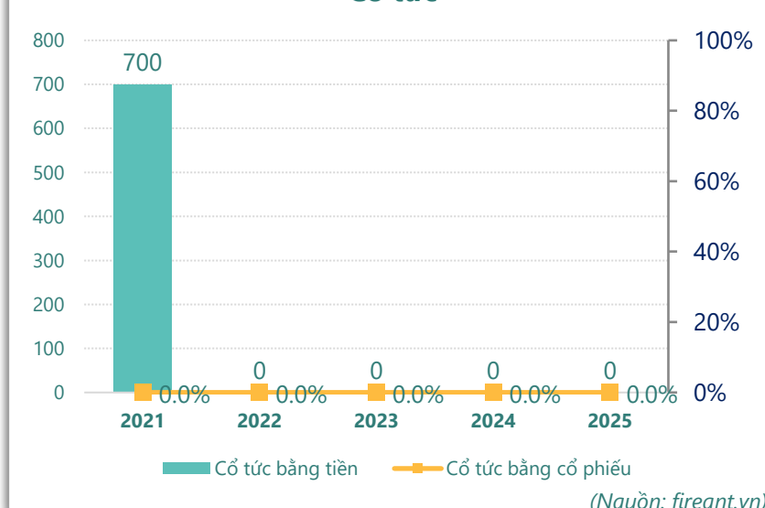
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



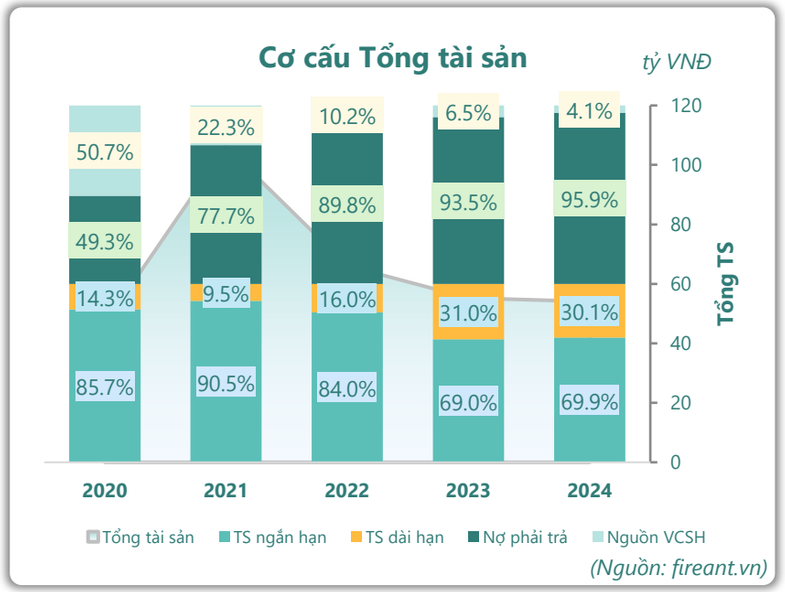
(Nguồn: fireant.vn)

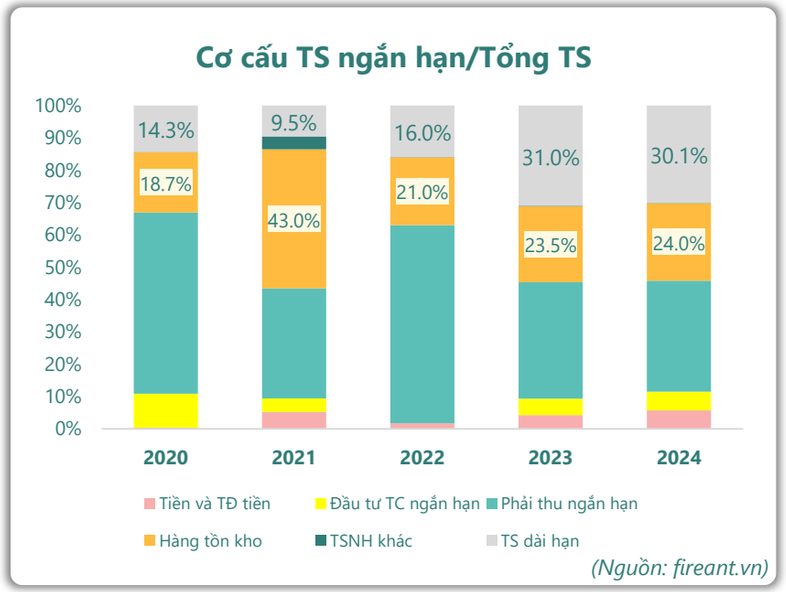
Cổ tức

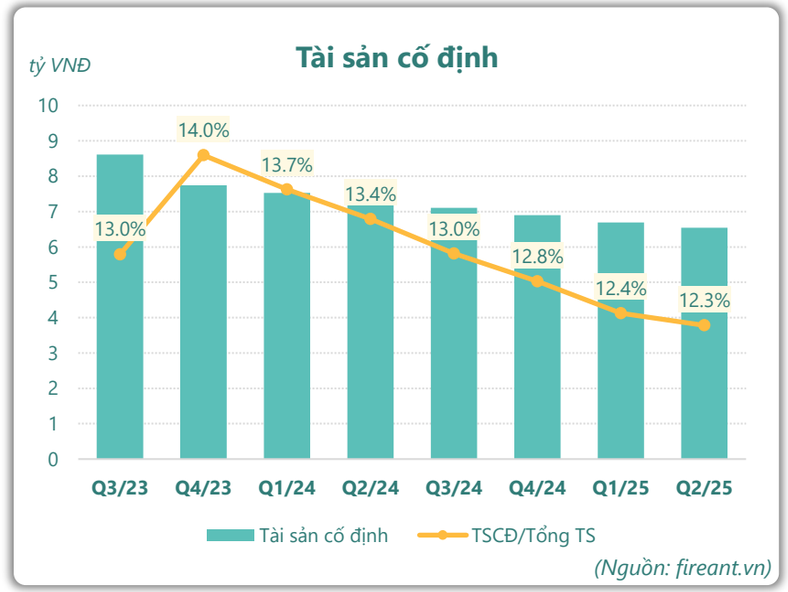


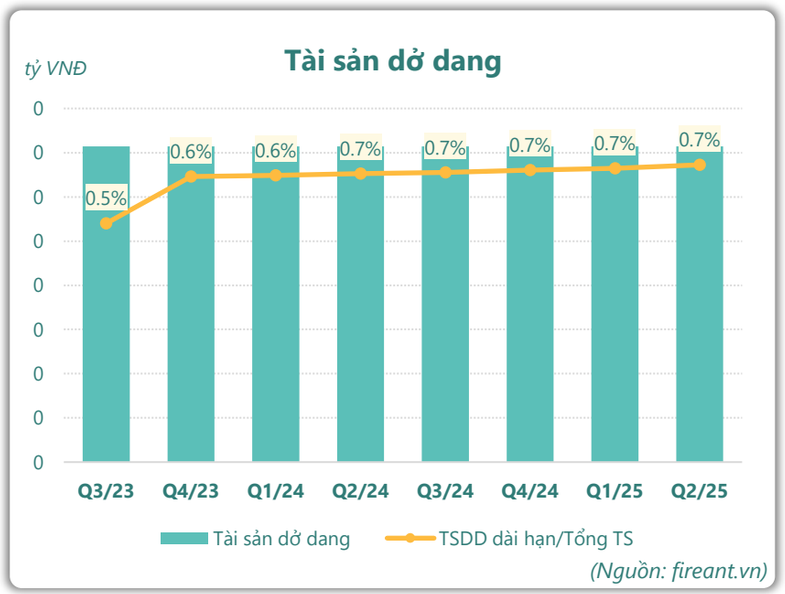
(Nguồn: fireant.vn)

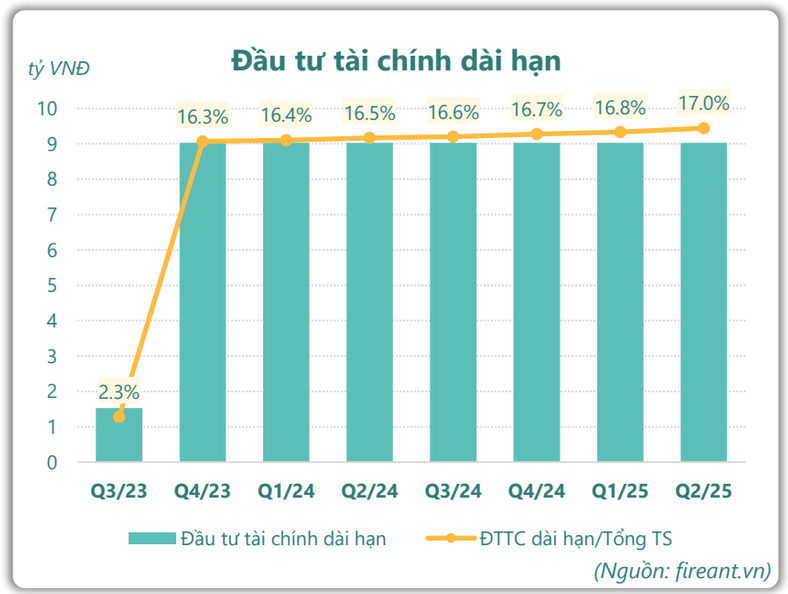
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

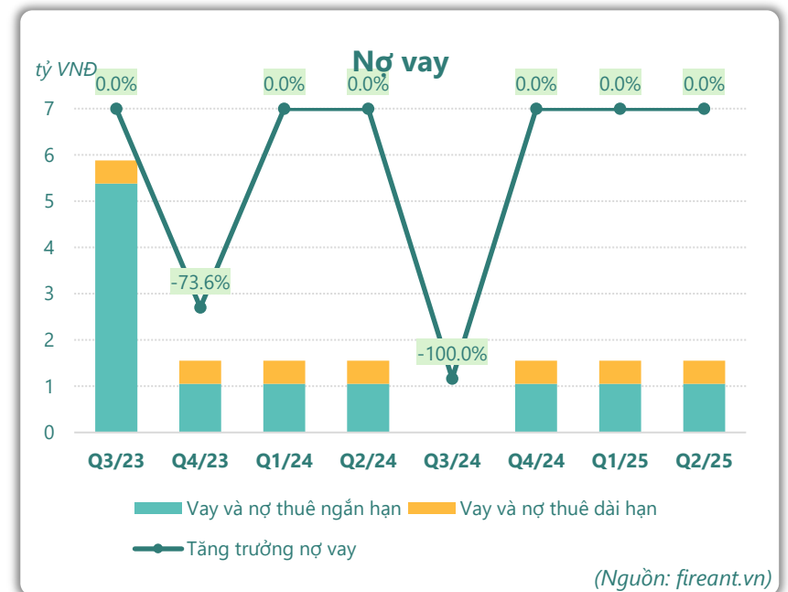






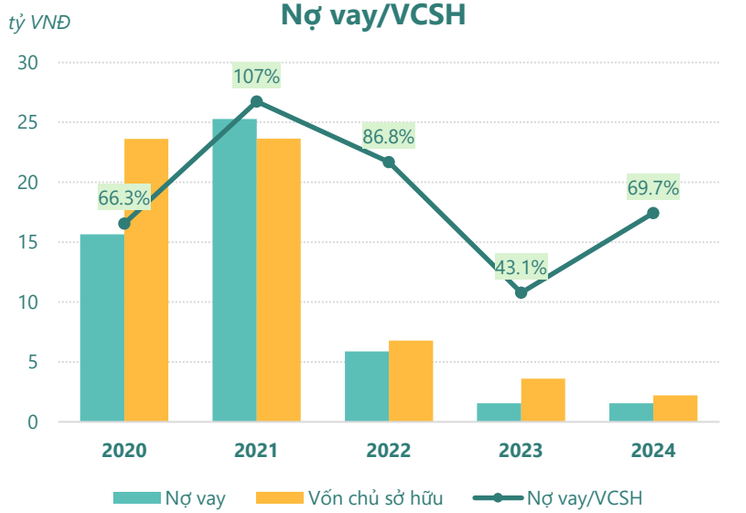






HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



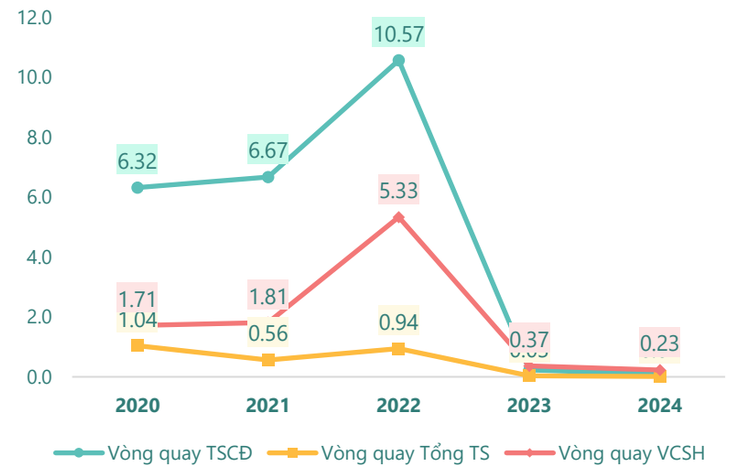
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



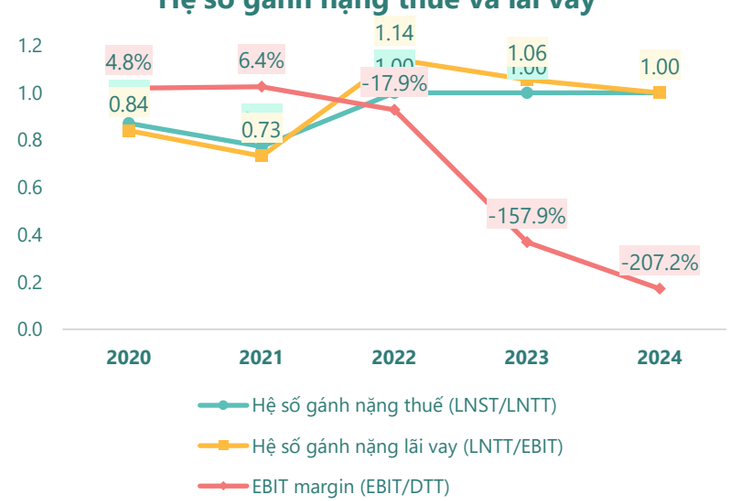
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



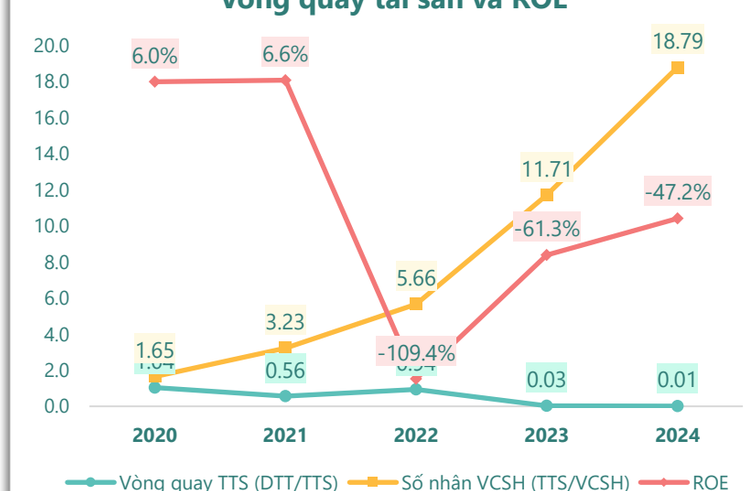
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



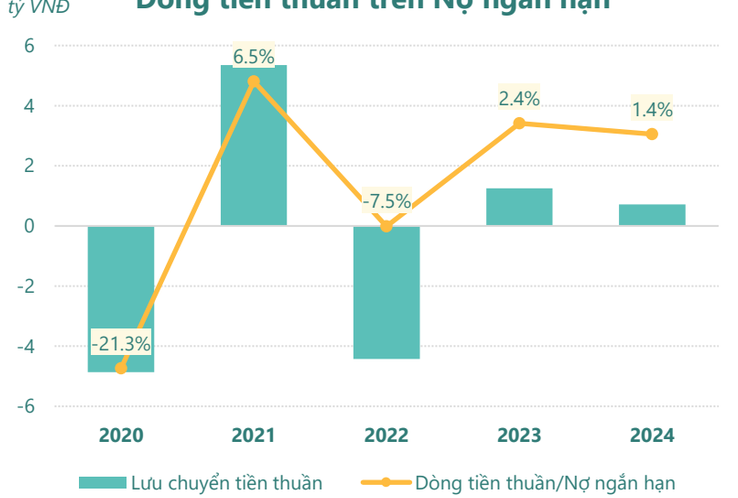
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.28**	**0.24**	**17.8%**	**0.28**	**0.41**	**-31.1%**
Giá vốn hàng bán	0.04	0.10	-55.7%	0.04	0.14	-67.8%
Lợi nhuận gộp	0.24	0.14	70.2%	0.24	0.27	-12.6%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.07	-52.5%	0.08	0.08	4.1%
Chi phí TC	0.00	0.03	-99.8%	0.00	0.05	-99.8%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0	0.05	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.95**	**0.36**	**165%**	**1.37**	**1.00**	**36.6%**
LN thuần từ HĐKD	-0.68	-0.18	-278%	-1.05	-0.70	-48.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**97.0%**
LN trước thuế	-0.68	-0.18	-278%	-1.05	-0.70	-48.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.68**	**-0.18**	**-278%**	**-1.05**	**-0.70**	**-48.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.68**	**-0.18**	**-278%**	**-1.05**	**-0.70**	**-48.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.92	-0.88	0.41	0.82	-0.17	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.84	0.54	-0.33	0.08	-0.98	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.35	2.43	2.09	2.17	3.07	1.93
Lưu chuyển tiền thuần	**0.07**	**-0.34**	**0.08**	**0.91**	**-1.15**	**-0.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.43	2.09	2.17	3.07	1.93	1.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**53.1**	**54.1**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	37.2	37.8	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	1.24	3.07	-59.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.15	3.15	31.7%
Phải thu ngắn hạn	18.8	18.5	1.3%
Hàng tồn kho	13.0	13.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.03	24.5%
Tài sản dài hạn	**15.9**	**16.3**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.54	6.90	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-91.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.9	51.8	0.2%
Nợ ngắn hạn	**51.3**	**51.2**	**0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.05	1.05	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Nợ dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1.18**	**2.22**	**-47.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1.18**	**2.22**	**-47.0%**
Vốn điều lệ	21.6	21.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)